

NGHỊ QUYẾT

**Về việc điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch đầu tư công trung hạn
5 năm giai đoạn 2021 - 2025 của huyện Phú Tân
(Nguồn vốn ngân sách huyện quản lý)**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ TÂN
KHÓA XII, KỲ HỌP THỨ 17 (CHUYÊN ĐỀ)**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 65/2025/QH15 ngày 19 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 83/2015/QH13 ngày 25 tháng 06 năm 2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công số 58/2024/QH15 ngày 29 tháng 11 năm 2024;

Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06 tháng 04 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Căn cứ Nghị quyết số 04/2021/NQ-HĐND ngày 22 tháng 7 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định về các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công giai đoạn 2021-2025 nguồn ngân sách địa phương;

Căn cứ Nghị quyết số 62/NQ-HĐND ngày 17 tháng 12 năm 2024 của Hội đồng nhân dân huyện về việc thông qua điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm giai đoạn 2021 - 2025 của huyện Phú Tân (Nguồn vốn ngân sách huyện quản lý);

Qua xem xét Tờ trình số 790/TTr-UBND ngày 18 tháng 04 năm 2025 của Ủy ban nhân dân huyện Phú Tân về việc điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm giai đoạn 2021 - 2025 của huyện Phú Tân (nguồn vốn ngân sách huyện quản lý); Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Xã hội Hội đồng nhân dân huyện và ý kiến thảo luận của các đại biểu Hội đồng nhân dân huyện,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Hội đồng nhân dân huyện thống nhất điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm giai đoạn 2021 - 2025 của huyện Phú Tân (nguồn vốn ngân sách huyện quản lý) như sau:

1. Tổng số kế hoạch vốn trung hạn 5 năm giai đoạn 2021 – 2025 điều chỉnh, bổ sung: 399.633 triệu đồng giảm 60.000 triệu đồng so với Nghị quyết số 62/NQ-HĐND ngày 17 tháng 12 năm 2024 của HĐND huyện gồm:

- | | |
|--|--------------------|
| - Nguồn ngân sách tỉnh bổ sung có mục tiêu : | 118.083 triệu đồng |
| - Nguồn vốn đầu tư tập trung : | 161.550 triệu đồng |
| - Nguồn thu tiền sử dụng đất : | 120.000 triệu đồng |

Trong đó:

- + Tiền sử dụng đất giai đoạn 2021 – 2025 : 83.168 triệu đồng
- + Tiền sử dụng đất năm 2020 mang sang : 35.563 triệu đồng
- + Tiền sử dụng đất năm 2021 tính bổ sung : 1.269 triệu đồng

(Kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm giai đoạn 2021-2025 kèm theo)

2. Phương án phân bổ vốn Kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm giai đoạn 2021 - 2025 được điều chỉnh, bổ sung như sau:

** Tổng số dự án được bố trí vốn là 89 dự án; 01 danh mục thanh toán chi phí sau quyết toán công trình hoàn thành; 01 danh mục hoàn trả nợ vay kiên cố hoá kênh mương; 10% dự phòng nguồn đầu tư tập trung và 10% tiền thu sử dụng đất thực hiện công tác đo đạc. Với tổng vốn phân bổ là 399.633 triệu đồng.*

- Tập trung phân bổ đủ vốn các dự án chuyên tiếp từ giai đoạn 2016 - 2020 sang giai đoạn 2021 - 2025 cho 05 dự án, với tổng vốn phân bổ là 2.945 triệu đồng.

- Phân bổ vốn cho 84 dự án trong giai đoạn 2021 - 2025, với tổng vốn phân bổ là 364.104 triệu đồng, giảm 54.000 triệu đồng.

- Phân bổ kinh phí để thanh toán các khoản chi phí sau quyết toán các dự án hoàn thành giai đoạn 2021 - 2025, với tổng vốn phân bổ là 1.765 triệu đồng.


- Phân bổ kinh phí hoàn trả nợ vay kiên cố hoá kênh mương theo Công văn số 722/STC-TCĐT ngày 30/3/2021 của Sở Tài chính số vốn 2.664 triệu đồng.

- Dành 10% dự phòng nguồn đầu tư tập trung và 10% tiền thu sử dụng đất thực hiện công tác đo đạc, đăng ký đất đai, lập cơ sở dữ liệu hồ sơ địa chính, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số tiền 28.155 triệu đồng, giảm 6.000 triệu đồng.

Điều 2. Điều khoản thi hành

1. Giao Ủy ban nhân dân huyện tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này theo quy định của Luật Đầu tư công, các văn bản hướng dẫn của Chính phủ và các Bộ, ngành có liên quan.


2. Thường trực Hội đồng nhân dân, hai Ban của Hội đồng nhân dân và các đại biểu Hội đồng nhân dân huyện giám sát việc thực hiện Nghị quyết này theo luật định.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân huyện Phú Tân khóa XII, nhiệm kỳ 2021 - 2026 kỳ họp thứ 17 (chuyên đề) thông qua và có hiệu lực kể từ ngày 22 tháng 04 năm 2025. 

Nơi nhận:

- TT. HĐND, UBND tỉnh;
- Văn phòng Đoàn ĐBQH&HĐND tỉnh;
- Sở Tài chính, Sở Xây dựng;
- TT. Huyện uỷ;
- TT. HĐND, UBND, BTT. UBMTTQVN huyện;
- Đại biểu HĐND huyện;
- Các Phòng, ban, ngành, đoàn thể huyện;
- Công Thông tin Điện tử huyện;
- TT. HĐND, UBND các xã, thị trấn;
- Lưu: VT.

**CHỦ TOẠ KỶ HỌP
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Thanh Kiều



1	2	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Mã số dự án đầu tư	Mã ngành Kinh tế (loại khoản)	Thời gian KC-HT	Quyết định chủ trương đầu tư (kể cả quyết định điều chỉnh nếu có)				Quyết định đầu tư (kể cả quyết định điều chỉnh nếu có)				Kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm giai đoạn 2021-2025 theo Nghị quyết số 62/NQ-HĐND ngày 17/12/2024 của HĐND huyện				Kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm giai đoạn 2021-2025 điều chỉnh				Chênh lệch Tăng (+), giảm (-)	Chủ đầu tư	Ghi chú				
							Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:		Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:							
									Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện			Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện		Ngân sách tỉnh bổ sung	Ngân sách huyện		Trong đó			Ngân sách tỉnh bổ sung				Ngân sách huyện	Trong đó		
																			ĐTTT	Sử dụng đất							ĐTTT	Sử dụng đất	
TỔNG SỐ							1,161,361	728,527	432,834	798,374	462,963	335,411	459,633	118,083	341,550	161,550	180,000	399,633	118,083	281,550	161,550	120,000	-60,000	0					
Vốn nước ngoài													0					0						0					
Vốn trong nước							1,161,361	728,527	432,834	798,374	462,963	335,411	459,633	118,083	341,550	161,550	180,000	399,633	118,083	281,550	161,550	120,000	-60,000						
1. Dự án chuyển tiếp sang giai đoạn 2021-2025							81,319	54,387	26,932	0	80,501	54,576	25,925	2,945	0	2,945	741	2,204	2,945	0	2,945	741	2,204	0					
2. Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2021-2025							1,086,726	674,140	405,902	0	724,557	408,387	309,486	418,104	118,083	300,021	140,592	159,429	364,104	118,083	246,021	140,831	105,190	-54,000					
3. Kinh phí quyết toán công trình hoàn thành							0	0	0	0	0	0	0	1,765	0	1,765	1,398	367	1,765	0	1,765	1,159	606	0					
4. Hoàn trả nợ vay kiến cơ hoá kênh mương theo Công văn 722/STC-TCĐT ngày 30/3/2021 của Sở Tài chính														2,664		2,664	2,664	0	2,664	0	2,664	2,664	0	0					
5. 10% dự phòng và 10% tiền sử dụng đất cho kinh phí đo đạc							0	0	0	0	0	0	0	34,155	0	34,155	16,155	18,000	28,155	0	28,155	16,155	12,000	-6,000					
CHI TIẾT (A+B+C+D)							1,168,045	728,527	432,834	0	805,058	462,963	335,411	459,633	118,083	341,550	161,550	180,000	399,633	118,083	281,550	161,550	120,000	-60,000					
A THEO NGÀNH LĨNH VỰC (I+...+VII)							1,168,045	728,527	432,834	0	805,058	462,963	335,411	421,049	118,083	302,966	141,333	161,633	367,049	118,083	248,966	141,572	107,394	-54,000					
I LĨNH VỰC QUỐC PHÒNG							24,143	0	24,143	0	21,993	0	21,993	20,962	0	20,962	20,962	0	20,562	0	20,562	20,562	0	-400					
1. Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2021-2025							24,143	0	24,143	0	21,993	0	21,993	20,962	0	20,962	20,962	0	20,562	0	20,562	20,562	0	-400					
1	Ban chỉ huy quân sự xã Bình Thạnh Đông	BTD	khởi nhà làm việc 200m2			2021-2023	2302/QĐ-UBND 23/06/2021	2,799	0	2,799	3427/QĐ-UBND 06/10/2021	2,067	2,067	1,848		1,848	1,848		1,848	1,848		0	BQLDA ĐTXĐKV	HT					
2	Ban chỉ huy quân sự xã Hiệp Xương	Hiệp Xương	khởi nhà làm việc 200m2			2022-2024	3303/QĐ-UBND 20/09/2021	2,806	0	2,806	4407/QĐ-UBND 15/9/2022	2,782	2,782	2,666		2,666	2,666		2,666	2,666		0	BQLDA ĐTXĐKV	HT					
3	Ban chỉ huy quân sự xã Phú Thọ	Phú Thọ	khởi nhà làm việc 200m2			2021-2022	3836/QĐ-UBND 27/10/2020	2,040	0	2,040	676/QĐ-UBND 04/03/2021	1,903	1,903	1,748		1,748	1,748		1,748	1,748		0	BQLDA ĐTXĐKV	HT					
4	Ban chỉ huy quân sự xã Phú Thành	Phú Thành	khởi nhà làm việc 200m2			2021-2023	2285/QĐ-UBND 23/06/2021	2,748	0	2,748	3452/QĐ-UBND 14/10/2021	2,679	2,679	2,500		2,500	2,500		2,500	2,500		0	BQLDA ĐTXĐKV	HT					
5	Ban chỉ huy quân sự xã Phú Hiệp	Phú Hiệp	Xây mới			2024-2026	2310/QĐ-UBND 08/7/2024	6,790	6,790		13273/QĐ-UBND 19/12/2024	6,481	6,481	6,000		6,000	6,000		6,000	6,000		0	BQLDA ĐTXĐKV						
6	Ban chỉ huy quân sự xã Phú Thành	Phú Thành	Xây mới			2024-2026	2309/QĐ-UBND 08/7/2024	6,960	6,960		13874/QĐ-UBND 19/12/2024	6,081	6,081	6,200		6,200	6,200		5,800	5,800		-400	BQLDA ĐTXĐKV						
II LĨNH VỰC AN NINH VÀ TRẬT TỰ, ATXH							30,277	0	30,277	0	26,309	0	26,309	23,161	0	23,161	23,161	0	23,034	0	23,034	23,034	0	-127					
1. Dự án chuyển tiếp sang giai đoạn 2021-2025							2,620	0	2,620	0	1,996	0	1,996	741	0	741	741	0	741	0	741	741	0	0					
7	Sản lập mặt bằng công an thị trấn Chợ Vàm	TT Chợ Vàm				2020-2021	4339/QĐ-UBND 5/7/2019	2,620	0	2,620	6320a/QĐ-UBND 16/10/2019	1,996	1,996	741		741	741		741	741		0	BQLDA ĐTXĐKV	HT					

Số TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Mã số dự án đầu tư	Mã ngành Kinh tế (loại khoản)	Thời gian KC-HT	Quyết định chủ trương đầu tư (kể cả quyết định điều chỉnh nếu có)			Quyết định đầu tư (kể cả quyết định điều chỉnh nếu có)			Kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm giai đoạn 2021-2025 theo Nghị quyết số 62/NQ-HBND ngày 17/12/2024 của HBND huyện				Kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm giai đoạn 2021-2025 điều chỉnh				Chênh lệch Tăng (+), giảm (-)	Chủ đầu tư	Ghi chú			
							Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:		Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:							
									Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện			Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện		Ngân sách tỉnh bổ sung	Ngân sách huyện		Trong đó:							
																			ĐTTT	Sử dụng đất				Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện	ĐTTT
	* Thực hiện mục tiêu Nông thôn mới						347,344	265,610	81,734	0	336,143	259,953	76,190	49,971	0	49,971	0	49,971	38,124	0	38,124	0	38,124	-11,847		
	Xã Phú Thọ																		0			0				
20	Trường Mầm non Phú Thọ điểm chính (Phú Mỹ Hạ)	Phú Thọ	Xây mới 08 phòng học, hạ tầng kỹ thuật.			2021-2023	1222/QĐ-UBND 04/06/2021	25,620	19,524	6,096	2687/QĐ-UBND 12/11/2021; 1163/QĐ-UBND 18/7/2023	25,443	19,524	5,919	2,103		2,103	2,103	2,103		2,103		2,103	0	BQLDA ĐTXĐKV	HT
21	Trường Mầm non Phú Thọ điểm phụ (Phú Mỹ Thượng)	Phú Thọ	2p + nhà xe + hạ tầng kỹ thuật			2021-2023	1358/QĐ-UBND 23/06/2021	4,856	3,637	1,219	490/QĐ-SXD 15/11/2021; 322/QĐ-SXD 13/7/2023; 423/QĐ-SXD 12/9/2023	4,499	3,636	863	560		560	560	560		560		560	0	BQLDA ĐTXĐKV	HT
22	Trường Tiểu học Phú Thọ điểm chính (Phú Mỹ Hạ)	Phú Thọ	Xây mới 16 phòng học			2022-2024	1149/QĐ-UBND 28/05/2021	44,941	34,872	10,069	2693/QĐ-UBND 15/11/2021; 1066/QĐ-UBND 04/7/2023; 914/QĐ-UBND 06/01/2024	43,681	34,405	9,276	3,298		3,298	3,298	3,035		3,035		3,035	-263	BQLDA ĐTXĐKV	HT
23	Trường Tiểu học Phú Thọ điểm phụ (Phú Mỹ Thượng)	Phú Thọ	10p + nhà xe + hạ tầng kỹ thuật			2021-2023	737/QĐ-UBND 08/04/2021	10,730	8,396	2,334	359/QĐ-SXD 23/08/2021; 367/QĐ-UBND 21/9/2022	8,496	7,040	1,456	905		905	905	905		905		905	0	BQLDA ĐTXĐKV	HT
24	Trường THCS Phú Thọ	Phú Thọ	18 phòng + 02p + nhà xe + hạ tầng kỹ thuật			2023-2026	25/NQ-HBND 22/07/2021	72,771	57,056	15,715	2170/QĐ-UBND 21/9/2021; 1944/QĐ-UBND 3/8/2022	72,431	56,531	15,900	9,584		9,584	9,584	5,390		5,390		5,390	-4,194	BQLDA ĐTXĐKV	
	Xã Tân Trung																		0			0				
25	Trường mẫu giáo Tân Trung điểm chính (Tân Thành)	Tân Trung	Khai phòng học, khối hành chính quản trị, nhà ăn, nhà bếp, hành lang, phòng thường trực, nhà xe			2022-2024	2570/QĐ-UBND ngày 19/10/2022	33,264	23,550	9,714	3139/QĐ-UBND ngày 27/12/2022	32,129	22,732	9,397	4,847		4,847	4,847	4,849		4,849		4,849	2	BQLDA ĐTXĐKV	
26	Trường mẫu giáo Tân Trung điểm phụ (Trung Hòa)	Tân Trung	02 phòng + nhà xe + hạ tầng kỹ thuật			2022-2024	2359/QĐ-UBND 13/10/2021	4,666	3,664	1,002	450/QĐ-SXD ngày 31/10/2022	4,142	3,267	875	564		564	564	564		564		564	0	BQLDA ĐTXĐKV	HT
27	Trường Tiểu học Tân Trung điểm chính (Tân Thành)	Tân Trung	15 phòng + các phòng chức năng + hạ tầng kỹ thuật			2022-2024	2416/QĐ-UBND 21/19/2021	36,906	28,311	7,595	457/QĐ-UBND ngày 13/05/2023; 1087/QĐ-UBND 18/07/2024	35,936	28,310	7,626	7,310		7,310	2,750	2,750		2,750		2,750	-4,560	BQLDA ĐTXĐKV	
28	Trường Tiểu học Tân Trung điểm phụ (Trung 2)	Tân Trung	Cải tạo khối 6 phòng + khối phụ trợ + hạ tầng kỹ thuật			2022-2024	2892/QĐ-UBND 03/12/2021	3,184	2,617	567	238/QĐ-SXD ngày 12/7/2022	2,898	2,421	477	288		288	288	288		288		288	0	BQLDA ĐTXĐKV	HT
29	Trường Tiểu học Tân Trung điểm phụ (Vám Nao)	Tân Trung	học tập, khối phụ trợ (về sinh học sinh và giáo viên) và hạ tầng kỹ thuật			2022-2024	2891/QĐ-UBND 03/12/2021	8,193	6,202	1,991	481/QĐ-SXD ngày 15/11/2022; 101A/QĐ-SXD ngày 04/03/2024	7,556	5,825	1,731	1,114		1,114	1,114	1,114		1,114		1,114	0	BQLDA ĐTXĐKV	HT
30	Trường THCS Tân Trung	Tân Trung	xây mới các phòng + hạ tầng kỹ thuật			2024-2026	2832/QĐ-UBND 26/11/2021	34,885	26,475	8,410	2174/QĐ-UBND ngày 29/12/2023	33,251	26,200	7,051	5,322		5,322	5,322	5,322		5,322		5,322	0	BQLDA ĐTXĐKV	

Số TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Mã số dự án đầu tư	Mã ngành Kinh tế (loại khoản)	Thời gian KC-HT	Quyết định chủ trương đầu tư (kể cả quyết định điều chỉnh nếu có)			Quyết định đầu tư (kể cả quyết định điều chỉnh nếu có)			Kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm giai đoạn 2021-2025 theo Nghị quyết số 62/NQ-HĐND ngày 17/12/2024 của HĐND huyện				Kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm giai đoạn 2021-2025 điều chỉnh				Chênh lệch Tăng (+) giảm (-)	Chủ đầu tư	Ghi chú			
							Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:		Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:							
									Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện			Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện		Ngân sách tỉnh bổ sung	Ngân sách huyện		Trong đó:							
																			ĐTTT	Sử dụng đất				ĐTTT	Sử dụng đất	
31	Tạo quỹ đất đầu tư xây dựng Trường THCS Tân Trung	Tân Trung	mua đất			2023-2024	2032/QĐ-UBND ngày 21/06/2023	2,335	2,335	2424/QĐ-UBND ngày 10/7/2023	2,258	2,258	2,258	2,258	2,258	2,258	0	BQLDA ĐTXĐKV	HT							
Xã Long Hòa																	0									
32	Trường Mẫu giáo Long Hòa (Long Hòa 1)	Long Hòa	Xây mới khối 02 phòng học, khối hành chính quản trị, phòng chức năng, sân tập thể dục, sân bóng, hạ tầng kỹ thuật			2023-2025	2534/QĐ-UBND ngày 02/11/2021	14,891	11,458	3042/QĐ-SXD ngày 15/12/2023, 174/QĐ-SXD ngày 25/04/2024	13,670	10,788	2,882	2,882	2,231	2,231	2,231	-651	BQLDA ĐTXĐKV							
33	Trường Tiểu học Long Hòa điểm chính (Long Hòa 1)	Long Hòa	16 phòng + nhà giáo viên + vvs + hạ tầng kỹ thuật			2023-2025	2865/QĐ-UBND ngày 13/10/2021, 2052/QĐ-UBND ngày 14/08/2023	27,521	21,313	370/QĐ-UBND ngày 14/3/2024	26,826	20,926	5,900	5,876	3,695	3,695	3,695	-2,181	BQLDA ĐTXĐKV							
34	Trường Tiểu học Long Hòa điểm phụ (Long Thành 2)	Long Hòa	Cải tạo khối 6 phòng + khối phụ trợ + hạ tầng kỹ thuật			2023-2025	2791/QĐ-UBND ngày 22/11/2021	3,495	2,649	298/QĐ-SXD ngày 03/7/2023	2,943	2,462	481	300	300	300	300	0	BQLDA ĐTXĐKV	HT						
35	Trường THCS Long Hòa	Long Hòa	8 phòng + nhà giáo viên + vvs + hạ tầng kỹ thuật			2024-2026	290/QĐ-UBND ngày 18/02/2022, 328/QĐ-UBND ngày 05/3/2024	19,986	15,886	1779/QĐ-UBND ngày 19/11/2024	19,982	15,886	4,096	2,760	2,760	2,760	2,760	0	BQLDA ĐTXĐKV							
Các công trình chủ trương tỉnh huyện							308,389	238,590	69,799	0	99,870	76,203	23,667	51,176	0	51,176	19,474	31,702	9,396	0	9,396	9,266	130	-41,780		
TT Phú Mỹ																				0						
Xã Hoà Lạc																										
37	Trường Mầm non Phú Mỹ	Phú Mỹ	Xây mới, cải tạo			2023-2025	43/NQ-HĐND ngày 08/12/2021	69,752	54,625	15,127	2149/QĐ-UBND ngày 28/12/2023	67,873	53,033	14,840	10,430	10,430	7,969	2,461	3,350	3,350	3,350	-7,080	BQLDA ĐTXĐKV			
Xã Hoà Lạc																										
38	Trường Mẫu Giáo Hoà Lạc	Hoà Lạc	Nâng cấp, cải tạo			2023-2024	3114/QĐ-UBND ngày 25/8/2023, 4652/QĐ-UBND ngày 01/12/2023	1,498	1,498	4683/QĐ-UBND ngày 06/12/2023, 12945/QĐ-UBND ngày 07/11/2024	1,498	1,498	1,385	1,385	1,385	1,385	1,385	1,385	1,385	1,385	1,385	0	BQLDA ĐTXĐKV	HT		
39	Trường Tiểu học A Hoà Lạc (điểm chính) Hàng mục san lấp cốt hãm, mua đất mở rộng diện tích	Hoà Lạc	Thu hồi đất			2023-2024	3118/QĐ-UBND ngày 25/8/2023	130	130	3686/QĐ-UBND ngày 26/9/2023	130	130	130	130	130	130	130	130	130	130	130	0	BQLDA ĐTXĐKV	HT		
Phú Bình																										
40	Hạ tầng kỹ thuật Trường Tiểu học A Phú Bình (DC)	Phú Bình	Hàng mục: SLMB + Nhà xe giáo viên + Cải tạo nhà xe học sinh + Hạ tầng kỹ thuật			2021-2023	3313/QĐ-UBND ngày 23/09/2021	2,064	0	2,064	3903/QĐ-UBND ngày 29/11/2021	1,511	1,511	1,511	1,511	1,511	1,511	1,511	1,511	1,511	0	BQLDA ĐTXĐKV	HT			
Chương trình giáo dục phổ thông mới																										
41	Đầu tư cơ sở vật chất, thiết bị dạy học phục vụ Chương trình giáo dục phổ thông mới giai đoạn 2021 - 2025 huyện Phú Tân	Toàn huyện	Xây dựng thư viện và cải tạo phòng học và phòng tin học tại các điểm trường			2022-2025	Nghị quyết số 04/NQ-HĐND ngày 14 tháng 4 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh An Giang	206,040	160,770	45,270				32,320	32,320	3,269	29,111	0	0	0	0	-32,320	BQLDA ĐTXĐKV	Chuyển sang giai đoạn 2026-2030		

Số TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Mã số dự án đầu tư	Mã ngành Kinh tế (loại khoản)	Thời gian KC-HT	Quyết định chủ trương đầu tư (kể cả quyết định điều chỉnh nếu có)			Quyết định đầu tư (kể cả quyết định điều chỉnh nếu có)			Kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm giai đoạn 2021-2025 theo Nghị quyết số 62/NQ-HBND ngày 17/12/2024 của HBND huyện				Kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm giai đoạn 2021-2025 điều chỉnh				Chênh lệch Tăng (+), giảm (-)	Chủ đầu tư	Ghi chú					
							Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:		Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:			
									Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện			Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện		Ngân sách tỉnh bổ sung	Ngân sách huyện		Trong đó:						Ngân sách tỉnh bổ sung	Ngân sách huyện	Trong đó:	
																			ĐTTT	Sử dụng đất							ĐTTT	Sử dụng đất
51	Cầu Tây Kênh Thân Nông - Phú Xuân (Mương Khai)	Phú Xuân	Kết cấu bê tông cốt thép, dài 40m rộng 4m			2021-2023	1331/QĐ-UBND 16/04/2021	6,172	1,269	4,903	3436/QĐ-UBND 13/10/2021; 4671/QĐ-UBND 05/12/2023	6,172	1,269	4,903	5,620	5,620	4,398	1,222	5,620	5,620	4,398	1,222	0	BQLDA ĐTXĐKV	HT			
52	Nâng cấp đường Xóm Bãi áp Bình Tây 1	Phú Bình	kết cấu bê tông dài 1800m			2022-2024	3941/QĐ-UBND 12/8/2022	3,559		2,600	6826/QĐ-UBND 25/11/2022	3,559		2,600	2,600	2,600		2,600	2,600	2,600		2,600		2,600	0	BQLDA ĐTXĐKV	HT	
53	Cầu Nam Phú Lạc (Tây kênh Thân Nông)	Phú Long	Kết cấu bê tông cốt thép, dài 40m rộng 4m			2021-2023	1539/QĐ-UBND 22/03/2022	6,860	0	6,860	3356/QĐ-UBND 11/07/2022	6,708		6,708	6,236	6,236	6,236		6,236	6,236	6,236		6,236		6,236	0	BQLDA ĐTXĐKV	HT
54	Xây dựng đường 19 sang từ ranh phường Lương Sơn đến ranh xã Phú Lâm	Long Hoà	4911m			2023-2025	09/NQ-HBND 05/03/2023	21,746	16,021	5,725	141/QĐ-UBND ngày 24/01/2024; 12468/QĐ-UBND ngày 09/4/2024	21,365	15,640	15,344	15,344	15,344	15,344		15,344	15,344	15,344		15,344		15,344	0	BQLDA ĐTXĐKV	
55	Nâng cấp cải tạo đường Vòng O	Phú Mỹ-Phú Hưng	8940m			2023-2025	2414/QĐ-UBND 7/7/2022	54,520		54,520	4647/QĐ-UBND 01/12/2023	54,520	54,520	54,520	54,520	54,520	54,520		54,520	48,726	48,726	13,992	34,734	-5,794	BQLDA ĐTXĐKV			
56	Đường liên xã Phú Hưng - Hiệp Xương	Phú Hưng-Phú Bình	1,800m			2023-2025	1833/QĐ-UBND 12/07/2023	11,429	8,266	3,163	1253/QĐ-UBND 12/07/2023	11,429	8,266	3,163	3,163	3,163	3,163		3,163	3,163	3,163		3,163		3,163	0	BQLDA ĐTXĐKV	
57	Cầu kênh K26	Phú Xuân-Phú Thành	Kết cấu bê tông cốt thép			2024-2026	4624/QĐ-UBND 29/11/2023	12,388		12,388	12099/QĐ-UBND 26/9/2024	11,228		11,228	11,228	11,228	11,228		11,228	11,228	11,228		11,228		11,228	0	BQLDA ĐTXĐKV	
58	Đường liên xã Phú Hưng - Hiệp Xương	Phú Hưng-Hiệp Xương	Nâng cấp, cải tạo			2024-2026	2545/QĐ-UBND 11/07/2024	14,812		14,812									470		470		470		470	470	BQLDA ĐTXĐKV	Bổ sung chuẩn bị đầu tư
59	Cải tạo, nâng cấp hạ tầng kỹ thuật trụ sở UBND và UBND huyện	TT Phú Mỹ	Cải tạo			2024-2025	12534/QĐ-UBND ngày 15/10/2024	850		850	13427/QĐ-UBND ngày 06/12/2024	800		800	800	800	800		0		0		0		-800	BQLDA ĐTXĐKV		
	Lĩnh vực Thương mại - Dịch vụ							9,078	0	9,078		8,858	0	8,858	8,036	8,036	5,265	2,771	8,036	0	8,036	5,265	2,771	0				
	2. Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2021-2025							9,078	0	9,078		8,858	0	8,858	8,036	8,036	5,265	2,771	8,036	0	8,036	5,265	2,771	0				
60	Xây dựng mới chợ Hòa Bình	Hoà Lạc	nhà lồng 1800m2+khu tưới sống 417m2+ hạ tầng kỹ thuật			2021-2023	2612/QĐ-UBND 05/07/2021	9,078		9,078	3446/QĐ-UBND 14/10/2021	8,858		8,858	8,036	8,036	5,265	2,771	8,036		8,036	5,265	2,771	0	BQLDA ĐTXĐKV	HT		
VI	LĨNH VỰC QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC							78,809	22,832	55,977		68,898	21,508	47,390	42,908	42,908	0	40,894	0	40,894	40,894	0	-2,014					
	1. Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2021-2025							78,809	22,832	55,977		68,898	21,508	47,390	42,908	42,908	0	40,894	0	40,894	40,894	0	-2,014					
61	Trụ sở UBND xã Phú An	Phú An	Nhà làm việc+ nhà xe+ hội trường+ hạ tầng kỹ thuật			2021-2023	1686/QĐ-UBND 5/7/2022	10,921	7,613	3,308	491/QĐ-SXD ngày 21/11/2022; 502/QĐ-SXD ngày 30/10/2023	8,918	6,739	2,179	1,788	1,788	1,788		1,788		1,788	1,788		1,788	0	BQLDA ĐTXĐKV	HT	

Số TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Mã số dự án đầu tư	Mã ngành Kinh tế (loại khoản)	Thời gian KC-HT	Quyết định chủ trương đầu tư (kể cả quyết định điều chỉnh nếu có)			Quyết định đầu tư (kể cả quyết định điều chỉnh nếu có)			Kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm giai đoạn 2021-2025 theo Nghị quyết số 62/NQ-HĐND ngày 17/12/2024 của HĐND huyện				Kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm giai đoạn 2021-2025 điều chỉnh				Chênh lệch Tăng (+), giảm (-)	Chủ đầu tư	Ghi chú				
							Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)		Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)				Trong đó:			
								Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện			Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện		Ngân sách tỉnh bổ sung	Ngân sách huyện		Trong đó						Ngân sách tỉnh bổ sung	Ngân sách huyện	Trong đó	
																		ĐTTT	Sử dụng đất							ĐTTT	Sử dụng đất
62	Trụ sở UBND xã Phú Long	Phú Long	Nhà làm việc+ nhà xe+ hội trường+ha tầng kỹ thuật			2021-2023	2987/QĐ-UBND ngày 15/12/2021	12,217	8,578	3,639	364/QĐ-SXD ngày 19/9/2022	11,130	8,573	2,557	2,257	2,257	2,257	2,257	2,257	0	BQLDA ĐTXĐKV	HT					
63	Xây dựng mới và cải tạo Trụ sở UBND xã Long Hoà	Long Hoà	Xây mới ki-ốt đoàn thể+ cải tạo trụ sở hiện tại			2023-2025	5548/QĐ-UBND ngày 18/11/2022	3,550		3,550	2020/QĐ-UBND ngày 19/06/2023	3,308		3,308	2,800	2,800	2,800	2,800	2,800	0	BQLDA ĐTXĐKV	HT					
64	Cải tạo nâng cấp Trụ sở UBND xã Phú Hiệp	Phú Hiệp	Xây mới phòng họp trực tuyến+ cải tạo trụ sở hiện tại			2023-2025	6834/QĐ-UBND ngày 25/11/2022	3,593		3,593	2019/QĐ-UBND ngày 19/06/2023	3,463		3,463	3,030	3,030	3,030	3,030	3,030	0	BQLDA ĐTXĐKV	HT					
65	Nâng cấp, cải tạo trụ sở Ủy ban nhân dân thị trấn Chợ Ván	Chợ Ván	Nhà làm việc+ nhà xe+ hội trường+ha tầng kỹ thuật			2024-2025	1394/QĐ-UBND ngày 24/06/2021	4,371	3,181	1,190	359/QĐ-SXD ngày 24/7/2023	3,999	3,122	877	877	877	877	877	877	877	-92	BQLDA ĐTXĐKV					
66	Nâng cấp, cải tạo trụ sở Ủy ban nhân dân xã Tân Trung	Tân Trung	Nhà làm việc+ hội trường+ha tầng kỹ thuật			2022-2024	1594/QĐ-UBND ngày 12/07/2021	4,693	3,460	1,233	270/QĐ-SXD ngày 25/7/2022	3,939	3,074	865	617	617	617	617	617	617	0	BQLDA ĐTXĐKV	HT				
67	Hội trường UBND xã Phú Thành	Phú Thành	Hội trường			2021-2023	3778/QĐ-UBND ngày 12/11/2021	3,459	0	3,459	94/QĐ-UBND ngày 14/01/2022	3,140		3,140	2,898	2,898	2,898	2,898	2,898	0	BQLDA ĐTXĐKV	HT					
68	Cải tạo Hội trường phòng nội vụ	TT Phú Mỹ	Cải tạo nhà kho+xây mới hội trường			2022-2023	05/QĐ-UBND ngày 05/01/2022	988	0	988	3302/QĐ-UBND ngày 4/07/2022	516		516	503	503	503	503	503	0	BQLDA ĐTXĐKV	HT					
69	Cải tạo Phòng giáo dục cũ và Trường Tiến Bộ	TT Phú Mỹ	Nhà làm việc			2022-2023	4057/QĐ-UBND ngày 21/12/2021	1,511	0	1,511	11/QĐ-UBND ngày 07/01/2022	1,258		1,258	1,258	1,258	1,258	1,258	1,258	0	BQLDA ĐTXĐKV	HT					
70	Cải tạo Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên	TT Phú Mỹ	Nhà làm việc			2022-2023	4088/QĐ-UBND ngày 24/12/2021	1,302	0	1,302	960/QĐ-UBND ngày 18/02/2022	1,088		1,088	1,083	1,083	1,083	1,083	1,083	0	BQLDA ĐTXĐKV	HT					
71	Cải tạo sửa chữa Trụ sở UBND xã Phú Thọ	Phú Thọ	Nhà làm việc			2021-2022	3297/QĐ-UBND ngày 16/09/2021	1,246	0	1,246	3450/QĐ-UBND ngày 14/10/2021	1,023		1,023	1,018	1,018	1,018	1,018	1,018	0	BQLDA ĐTXĐKV	HT					
72	Xây dựng mới văn phòng ấp Phú Mỹ Thượng, ấp Phú Mỹ Hạ	Phú Thọ	Nhà làm việc			2021-2022	3247/QĐ-UBND ngày 31/08/2021	1,013	0	1,013	3453/QĐ-UBND ngày 14/10/2021	948		948	859	859	859	859	859	0	BQLDA ĐTXĐKV	HT					
73	Xây dựng mới văn phòng ấp Phú Cường A, ấp Phú Đức A + Cải tạo, sửa chữa văn phòng ấp Phú Cường B	Phú Thành	Nhà làm việc			2021-2023	3287/QĐ-UBND ngày 13/09/2021	1,289	0	1,289	3454/QĐ-UBND ngày 14/10/2021	1,210		1,210	1,117	1,117	1,117	1,117	1,117	0	BQLDA ĐTXĐKV	HT					
74	Xây dựng mới Văn phòng ấp Bình Đông 1, ấp Hưng Thới 2	B.T.Đông, Phú Hưng	Nhà làm việc			2021-2023	3275/QĐ-UBND ngày 8/9/2021	1,122		1,122	3430/QĐ-UBND ngày 11/10/2021	1,076		1,076	1,024	1,024	1,024	1,024	1,024	0	BQLDA ĐTXĐKV	HT					
75	Xây dựng mới Văn phòng ấp Phú Bình + Cải tạo Văn phòng ấp Phú Hữu, ấp Phú Vinh, ấp Phú Xương, ấp Phú Hiệp, ấp Phú Trường	Phú An, TT Chợ Ván	Nhà làm việc			2021-2023	3287/QĐ-UBND ngày 13/09/2021	1,197	0	1,197	3438/QĐ-UBND ngày 13/10/2021	1,147		1,147	1,046	1,046	1,046	1,046	1,046	0	BQLDA ĐTXĐKV	HT					
76	Xây dựng mới Văn phòng ấp Phú Hạ, ấp Phú Đông + Cải tạo sửa chữa Văn phòng ấp Phú Thu, ấp Phú Tây	Phú Xuân	Nhà làm việc			2021-2023	3288/QĐ-UBND ngày 13/09/2021	1,174	0	1,174	3449/QĐ-UBND ngày 14/10/2021	1,033		1,033	976	976	976	976	976	0	BQLDA ĐTXĐKV	HT					
77	Xây dựng mới Văn phòng ấp Trung 3, ấp Trung Thành + Cải tạo văn phòng ấp Phú Hoà, ấp Thượng 2	Phú Mỹ	Xây dựng mới Văn phòng ấp Trung 3, ấp Trung Thành + Cải tạo văn phòng ấp Phú Hoà, ấp Thượng 2			2021-2023	3157/QĐ-UBND ngày 27/8/2021	1,424		1,424	3451/QĐ-UBND ngày 14/10/2021	1,424		1,424	1,305	1,305	1,305	1,305	1,305	0	BQLDA ĐTXĐKV	HT					
78	Xây dựng mới Văn phòng ấp Hoà Hưng 2, ấp Hoà Bình 2 + Cải tạo ấp Hoà Hiệp, ấp Hoà Phát	Hòa Lạc, Phú Hiệp	Xây mới và cải tạo VP ấp hiện hữu			2022-2024	2453/QĐ-UBND ngày 18/05/2022	1,894		1,894	3349/QĐ-UBND ngày 11/07/2022	1,700		1,700	1,587	1,587	1,587	1,587	1,587	0	BQLDA ĐTXĐKV	HT					

Số TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Mã số dự án đầu tư	Mã ngành Kinh tế (loại khoản)	Thời gian KC-HT	Quyết định chủ trương đầu tư (kể cả quyết định điều chỉnh nếu có)				Quyết định đầu tư (kể cả quyết định điều chỉnh nếu có)				Kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm giai đoạn 2021-2025 theo Nghị quyết số 62/NQ-HBND ngày 17/12/2024 của HBND huyện				Kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm giai đoạn 2021-2025 điều chỉnh				Chênh lệch Tăng (+) - giảm (-)	Chủ đầu tư	Ghi chú		
							Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:		Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:					
									Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện			Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện		Ngân sách tỉnh bổ sung	Ngân sách huyện		ĐTTT	Sử dụng đất		Ngân sách tỉnh bổ sung				Ngân sách huyện	ĐTTT
79	Cải tạo Văn phòng áp Phú Lộc, áp Gò Ba Gia + Cải tạo Văn phòng áp Phú Đức B	Phú Thanh	Cải tạo vp hiện hữu			2022-2024	2023/QĐ-UBND ngày 19/4/2022	1,237	1,237	3350/QĐ-UBND 11/07/2022	1,113	1,113	867		867	867	867	867	867	0	BQLDA ĐTXĐKV	HT					
80	Cải tạo Văn phòng áp Trung 2, Trung Hoà, áp Thương 1, áp Cái Tắc	Tân Trung, Phú Mỹ	Cải tạo vp hiện hữu			2022-2024	2060/QĐ-UBND ngày 21/4/2022	957	957	3351/QĐ-UBND 11/07/2022	652	652	628		628	628	628	628	628	0	BQLDA ĐTXĐKV	HT					
81	Xây dựng mới Văn phòng áp Long Hoà 1, áp Long Hoà 2	Long Hoà	Xây dựng mới			2022-2024	2006/QĐ-UBND ngày 15/4/2022	1,075	1,075	3352/QĐ-UBND 11/07/2022	815	815	759		759	759	759	759	759	0	BQLDA ĐTXĐKV	HT					
82	Xây dựng mới Văn phòng áp Hiệp Thuận + Cải tạo Văn phòng áp Hiệp Hưng, áp Hiệp Trung	Hiệp Xương	Xây dựng mới và cải tạo			2022-2024	2451/QĐ-UBND ngày 17/5/2022	1,513	1,513	3353/QĐ-UBND 11/07/2022	1,362	1,362	1,102		1,102	1,102	1,102	1,102	1,102	0	BQLDA ĐTXĐKV	HT					
83	Xây dựng mới Văn phòng áp Phú Đông + Cải tạo Văn phòng áp Phú Tây, áp Long Hậu, áp Phú Trung	Phú Long, Phú Thành	Xây dựng mới và cải tạo			2022-2024	2059/QĐ-UBND 21/04/2022	1,376	0	1,376	3354/QĐ-UBND 11/07/2022	1,141	1,141	1,105		1,105	1,105	1,105	1,105	0	BQLDA ĐTXĐKV	HT					
84	Cải tạo Văn phòng áp Hậu Giang 1, áp Hậu Giang 2, áp Mỹ Hoà 1, áp Mỹ Hoà 2, áp Bình Tây 1, áp Bình Tây 2	Tân Hoà, Tân Trung, Phú Bình, BTĐ	Cải tạo			2022-2024	2096/QĐ-UBND 27/04/2022	1,260	0	1,260	3355/QĐ-UBND 11/07/2022	935	935	897		897	897	897	897	0	BQLDA ĐTXĐKV	HT					
85	Nâng cấp, mở rộng Trụ sở Huyện ủy Phú Tân	TT Phú Mỹ	Nhà làm việc			2023-2025	1627/QĐ-UBND ngày 09/05/2023	5,591	5,591	2021/QĐ-UBND ngày 19/05/2023, QĐ 413 ngày 14/02/2025	5,133	5,133	4,880		4,880	4,880	4,880	4,880	4,880	-847	BQLDA ĐTXĐKV						
86	Cải tạo trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên (Trụ sở chính)	TT Phú Mỹ	Nhà làm việc			2023-2025	731/QĐ-UBND 08/03/2023	2,419	2,419	2022/QĐ-UBND ngày 19/06/2023	1,694	1,694	1,448		1,448	1,448	1,448	1,448	1,448	0	BQLDA ĐTXĐKV	HT					
87	Xây dựng mới văn phòng áp Hiệp Thành và Hội trường UBND xã Hiệp Xương, cải tạo văn phòng áp Hiệp Hòa xã Hiệp Xương, cải tạo, mở rộng văn phòng áp Hưng Mỹ xã Phú Hưng	Phú Hưng Hiệp Xương	Nhà làm việc			2023-2025	1700/QĐ-UBND 23/05/2023	5,223	5,223	4309/QĐ-UBND ngày 14/11/2023	4,658	4,658	4,104		4,104	4,104	4,104	4,104	4,104	0	BQLDA ĐTXĐKV	HT					
88	Cải tạo sửa chữa nhà bếp, nhà ăn, phòng trực và các nhà vệ sinh trụ sở UBND và UBND huyện	TT Phú Mỹ	Cải tạo			2024-2025	12535/QĐ-UBND ngày 15/10/2024	1,194	1,194	13428/QĐ-UBND ngày 06/12/2024	1,075	1,075	1,075		1,075	1,075	0	0	0	-1,075	BQLDA ĐTXĐKV						
VII	LĨNH VỰC ĐẢM BẢO XÃ HỘI							18,826	16,016	2,810	0	18,560	16,016	2,544	1,659	0	1,659	1,659	0	1,659	0	1,659	1,659	0	0		
	1. Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2021-2025							18,826	16,016	2,810	0	18,560	16,016	2,544	1,659	0	1,659	1,659	0	1,659	0	1,659	1,659	0	0		
89	Tuyển dân cư Phú Hiệp - Hoà Lạc	Phú Hiệp-Hoà Lạc	Xây dựng mới			2021-2022	2728/QĐ-UBND 28/09/2021	17,516	16,016	1,500	17,516	16,016	1,500	691		691	691	691	691	691	0	BQLDA ĐTXĐKV	HT				
90	Nâng cấp đường dale, hệ thống thoát nước và di dời trụ điện CDC Hòa Lạc	Hòa Lạc	Nâng cấp cải tạo			2021-2022	3380/QĐ-UBND 05/10/2021	275	0	275	3566/QĐ-UBND 29/10/2021	199	199	180		180	180	180	180	180	0	BQLDA ĐTXĐKV	HT				